

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2021/DS-PT**

Ngày: 18/01/2021

V/v tranh chấp hợp đồng đại lý
bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tú.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Phạm Thị Mai Xuân;

2/ Bà Lê Thị Thương Huyền.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thùy Anh– Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Duy Tuấn- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 và ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 527/2020/TLPT-DS ngày 28/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng điều hành và phát triển đại lý bảo hiểm.”

Do bản án sơ thẩm số 211/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6337/2020/QĐ-PT ngày 16/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Hờ A T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Phường N, thành phố Y, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1.1. Bà Võ Thị Kiều M, sinh năm 1987

1.2. Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1995

Địa chỉ liên lạc: Tòa nhà Rivergate Residence, 151-155 Bến Vân Đồn, Phường S, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền số công chứng 731/2020.GUQ, quyển số 03 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/9/2020)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Vũ Thành T, sinh năm 1964 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn:

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C

Trụ sở: 115 Nguyễn Huệ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Ông Cao Nhật A, sinh năm 1994

Địa chỉ liên lạc: 171, phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2020)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn - ông Hồ A T, ông Nguyễn Như T, bà Võ Thị Kiều M và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Nguyên đơn - ông Hồ A T khởi kiện yêu cầu bị đơn - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C (gọi tắt là công ty C) thanh lý Hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm số CHUBB-2VBTB1-AMD/0106356062018 ngày 20/6/2018 (gọi tắt là Hợp đồng ngày 20/6/2018) và buộc Công ty C bồi thường thiệt hại do nắm giữ code đại lý bảo hiểm số 0106356 làm ông T không thể kiếm việc làm được.

Ngày 04/11/2019, nguyên đơn ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện : Yêu cầu tuyên Hợp đồng ngày 20/6/2018 vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật; và bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn do không thanh lý hợp đồng và vẫn nắm giữ mã code nên nguyên đơn không tìm được việc làm tại các doanh nghiệp bảo hiểm khác, tạm tính thiệt hại do mất thu nhập trong 07 tháng từ ngày 05/5/2019 (15 ngày sau khi nguyên đơn có thông báo chấm dứt hợp đồng) với số tiền: 80.000.000 đồng x 7 tháng = 560.000.000 đồng (Theo Đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/10/2019).

Ngày 04/11/2019, nguyên đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông T tại “Bản cam kết” ngày 26/10/2018. Đến ngày 25/5/2020, ông T rút yêu cầu giám định chữ ký; ông T xác nhận đã ký tên trên các Hợp đồng ngày 15/01/2018, Hợp đồng ngày 20/6/2018 và các Bản cam kết ngày 09/10/2018 và ngày 26/10/2018; Ngày 23/6/2020 đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là các tài liệu về bài thi, danh sách học viên...và giám định chữ viết, chữ ký trong các tài liệu trên vì cho rằng ông T chưa được học, thi sát hạch để được cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm nên việc cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm của Công ty C là không đúng quy định và yêu cầu đưa Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bị đơn - Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C do ông Huỳnh Nguyên H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh lý Hợp đồng ngày 20/6/2018 trước khi nguyên đơn bồi thường cho Công ty C khoản tiền 890.000.000 đồng, bởi lẽ: Theo quy định của Hợp đồng, Công ty C sẽ thực hiện hoàn tất thủ tục liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày ông T hoàn tất tất cả các nghĩa vụ (bao gồm cả nghĩa vụ tài chính) với Công ty. Cụ thể như sau:

Điều 9.1.2 Nghĩa vụ của AMD khi chấm dứt Hợp đồng:

“a. Trong thời hạn Công ty yêu cầu, AMD có nghĩa vụ thanh toán tất cả các khoản nợ, các trách nhiệm tài chính (nếu có) với Công ty tính đến ngày Công ty có thông báo/quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng hoặc đến ngày Công ty ra thông báo yêu cầu hoàn tất các nghĩa vụ liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng hoặc đến ngày mà AMD gửi thư đề nghị chấm dứt Hợp đồng, tùy theo ngày nào đến trước.

Điều 9.1.3 Nghĩa vụ của Công ty khi chấm dứt Hợp đồng:

b. Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày khi AMD đã hoàn tất các nghĩa vụ nêu tại điều 9.1.2 nêu trên, Công ty sẽ thanh toán cho AMD tất cả các khoản thu nhập còn lại sau khi trừ đi các khoản nợ, nghĩa vụ, bồi thường hay bất kỳ trách nhiệm đến hạn nào của AMD (nếu có) đối với Công ty và hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc chấm dứt Hợp đồng”.

Quy định nêu trên của Hợp đồng cũng phù hợp với Quy chế quản lý Đại lý bảo hiểm và sử dụng thông tin trên hệ thống AVICAD giữa các Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (Quy chế AVICAD). Theo Điều 7.6 Quy chế AVICAD thì việc chấm dứt hợp đồng đại lý và cập nhật việc đại lý đã chấm dứt hợp đồng đại lý vào hệ thống AVICAD phải được Công ty hoàn tất trong thời hạn tối đa là 60 ngày kể từ ngày đại lý hoàn thành các nghĩa vụ với doanh nghiệp bảo hiểm, trong đó có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ và các khoản phải hoàn trả khác.

Nghĩa vụ tài chính mà nguyên đơn phải hoàn tất cho Công ty C để Công ty C có cơ sở chấm dứt Hợp đồng là khoản bồi thường 890.000.000 đồng do nguyên đơn vi phạm các Bản cam kết lập ngày 09/10/2018 và ngày 26/10/2018, vì: Việc ông T lập các Bản cam kết là hoàn toàn theo ý chí và nguyện vọng của ông T. Theo nội dung các Bản cam kết, căn cứ vào Hợp đồng đã ký, ông T đã đồng ý, xác nhận và cam kết sẽ làm việc toàn thời gian cho Công ty C trong thời hạn tối thiểu là từ ngày ký Bản cam kết cho đến hết 31/12/2021 (thời hạn cam kết), và nếu ông T nghỉ việc trong thời hạn cam kết này vì bất cứ lý do nào hoặc ông T vi phạm nghiêm trọng các quy định của Hợp đồng dẫn đến bị đơn chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức trong thời hạn cam kết thì ông T sẽ bồi thường cho bị đơn một khoản tiền tương đương 12 tháng thu nhập gần nhất. Ông T cũng cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và trước bị đơn về nội dung đã cam kết này. Bản cam kết này được lập hoàn toàn

phù hợp với quy định pháp luật dân sự - Cụ thể: Ông T có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự để ký các Bản Cam kết; ông T hoàn toàn tự nguyện khi ký các Bản cam kết và mục đích, nội dung của Bản Cam kết không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội (theo Điều 3 và 117 Bộ luật Dân sự hiện hành). Do đó, khi ông T đơn phương chấm dứt hợp đồng trong thời hạn cam kết thì bị đơn đã căn cứ vào các Bản cam kết để yêu cầu ông T bồi thường số tiền 890.000.000 đồng là tổng các khoản thu nhập mà ông T được nhận từ tháng 04/2018 đến tháng 03/2019. Bị đơn không hề đơn phương áp đặt khoản bồi thường này cho ông T như ông đã nêu trong đơn khởi kiện. Như vậy, bị đơn sẽ ban hành Quyết định chấm dứt Hợp đồng, cập nhật việc chấm dứt Hợp đồng của ông T vào hệ thống AVICAD của Hiệp hội bảo hiểm và thanh toán các khoản thu nhập còn lại, nếu có, cho ông T sau khi ông T hoàn tất tất cả các nghĩa vụ với bị đơn, cụ thể là nghĩa vụ trả khoản tiền 890.000.000 đồng, như bị đơn đã thông báo trong Thông báo số 044/2019/QĐ ngày 26/04/2019.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 560.000.000 đồng của nguyên đơn: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của ông T buộc Công ty C bồi thường số tiền 560.000.000 đồng bởi yêu cầu của ông T hoàn toàn không có cơ sở, vì: Việc chưa thể thanh lý Hợp đồng hoàn toàn do nguyên nhân từ phía ông T chưa hoàn tất nghĩa vụ tài chính là bồi thường khoản tiền 890.000.000 đồng cho bị đơn mà ông T đã cam kết tại Bản cam kết. Theo Hợp đồng và quy định pháp luật hiện hành: Không có điều khoản nào trong Hợp đồng quy định bị đơn có nghĩa vụ bồi thường cho đại lý. Đặc biệt trong trường hợp này là ông T đơn phương chấm dứt Hợp đồng với bị đơn, không phải bị đơn đơn phương chấm dứt Hợp đồng với ông T, thì càng không có căn cứ để yêu cầu bồi thường.

Việc ông T yêu cầu bồi thường số tiền 560.000.000 đồng trên cơ sở thu nhập cố định hàng tháng 80.000.000 đồng là hoàn toàn không có cơ sở, vì:

- (i) Theo Hợp đồng không có khoản tiền nào là “thu nhập cố định”;
- (ii) Theo Điều 5.1 của Hợp đồng và Điều 4 Phụ lục 01 “Chức danh, Vùng điều hành và Chế độ đãi ngộ của AMD Hờ A T” thì ông T chỉ được hưởng “Khoản hỗ trợ hoạt động” hàng tháng căn cứ theo một số tiêu chuẩn, điều kiện được hưởng nhất định và bị đơn có toàn quyền điều chỉnh, thay đổi khoản hỗ trợ hoạt động này vào từng thời điểm.

Việc ông T chưa hoàn tất thủ tục chấm dứt Hợp đồng hoàn toàn không ảnh hưởng đến quyền làm việc của ông T theo Điều 35 Hiến pháp như Đơn khởi kiện đề cập. Trong đó: Điều 8.1 của Hợp đồng nêu rõ quan hệ giữa bị đơn và AMD không phải là quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động: Theo Điều 8: Quan hệ giữa các bên trong Hợp đồng: 8.1 Không có một quy định nào của Hợp đồng được hiểu rằng quan hệ giữa Công ty và AMD, Đại lý do AMD giới thiệu/giám sát/quản lý là quan hệ giữa người sử dụng lao động với người lao động. AMD là đại lý bảo hiểm theo đúng quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản pháp luật liên quan. Là một người còn trong độ tuổi lao động, ông T hoàn toàn có thể ký kết và làm việc theo hợp đồng lao động hoặc các loại hợp đồng phù hợp khác với bất kỳ công ty, doanh nghiệp nào. Hoặc, ông T cũng có thể tự mình kinh doanh, hợp tác kinh doanh, mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ... phù hợp với khả năng, điều kiện và quy định pháp luật

hiện hành (ngoại trừ làm đại lý bảo hiểm cho các doanh nghiệp bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm). Do đó, việc ông T cho rằng mình đã là đại lý bảo hiểm thì không thể tìm kiếm hoặc làm công việc nào khác là không hợp lý. Ngoài ra, theo bị đơn được biết, cuộc sống của ông T vẫn diễn ra bình thường chứ ông T không bị khánh kiệt, nợ nần, khó khăn như nêu trong Đơn khởi kiện.

Ngoài ra, bị đơn còn có yêu cầu phản tố buộc ông Hồ A T bồi thường cho Công ty C số tiền là 890.000.000 đồng theo đúng nội dung của Bản cam kết. Đối với yêu cầu giám định chữ ký của nguyên đơn trong Bản cam kết, nguyên đơn đã rút đơn yêu cầu giám định nên bị đơn không có ý kiến. Đối với yêu cầu giám định chữ ký của nguyên đơn trong bài thi, danh sách thi, kết quả thi, bị đơn không đồng ý vì hiện bị đơn không còn lưu các hồ sơ trên nên không thể nộp cho Tòa án được.

Đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm số Chubb – 2VBTB1-AMD/0106356062018 ngày 20/6/2018 bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật; Bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn do không thanh lý hợp đồng và vẫn nắm giữ mã code nên nguyên đơn không tìm được việc làm tạm tính từ ngày 05/5/2019 ngày 22/10/2019 với số tiền 560.000.000 đồng thì bị đơn không đồng ý vì việc ký kết hợp đồng bị đơn thực hiện đúng quy định, không trái pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 211/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ A T yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C thanh lý Hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm số CHUBB-2VBTB1-AMD/0106356062018 do ông Hồ A T và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C giao kết ngày 20/6/2018.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ A T yêu cầu tuyên bố Hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm số CHUBB-2VBTB1-AMD/0106356062018 do các bên giao kết ngày 20/6/2018 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và yêu cầu Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C phải bồi thường khoản mất thu nhập trong 07 tháng tính từ ngày 05/5/2019 là 560.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của nguyên đơn Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C yêu cầu ông Hồ A T bồi thường số tiền 890.000.000 đồng theo nội dung của Bản cam kết do ông Hồ A T ký lập ngày 26/10/2018.

Kể từ ngày Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hồ A T chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 8 năm 2020, nguyên đơn ông Hồ A T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Hồ A T và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

+ Nguyên đơn ông Hồ A T có ông Nguyễn Như T đại diện theo ủy quyền xác định yêu cầu kháng cáo cụ thể:

1/ Tuyên hợp đồng điều hành và phát triển đại lý bảo hiểm số CHUBB-2VBTB1-AMD/0106356062018 ngày 20/6/2018 là vô hiệu.

2/ Buộc Công ty C tháo bỏ mã code số 0106356 ra khỏi hệ thống quản lý của Công ty C.

3/ Buộc Công ty C bồi thường thiệt hại do việc nắm giữ mã code khiến ông T không thể tìm kiếm việc làm trong ngành bảo hiểm, số tiền bồi thường là 560.000.000 đồng.

4/ Căn cứ vào yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn yêu cầu tuyên bản cam kết ngày 09/10/2018 và ngày 26/10/2018 là vô hiệu.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phân tích và xác định yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

+ Bị đơn Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C có ông Cao Nhật A đại diện theo ủy quyền yêu cầu HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

+ *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, ra Thông báo thụ lý vụ án đúng pháp luật, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã chấp hành đúng những quy định về thủ tục tố tụng. Đơn kháng cáo trong hạn luật định.

- Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011 xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Xét, đơn kháng cáo của ông Hồ A T, kháng cáo trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của các bên đương sự.

Xét, các yêu cầu kháng cáo nêu trên của ông Hồ A T nhận thấy:

+ Đối với yêu cầu tuyên hợp đồng điều hành và phát triển đại lý bảo hiểm số CHUBB-2VBTB1-AMD/0106356062018 ngày 20/6/2018 là vô hiệu - HĐXX nhận thấy:

Ngày 15/01/2018 ông Hồ A T (gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C (gọi tắt là bị đơn) ký kết Hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm số CHUBB-2VBTB1-AMD/0106356062018, kèm phụ lục 01, phụ lục 02, các phụ lục và thoả thuận khác....

Ngày 20/6/2018 nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm số CHUBB-2VBTB1-AMD/0106356062018, kèm phụ lục 01, phụ lục 02, các phụ lục và thoả thuận khác....

Ngày 09 và ngày 26/10/2018 nguyên đơn ký bản cam kết với bị đơn.

Căn cứ Điều 84 Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi bổ sung năm 2010, 2019) thì: “Đại lý bảo hiểm là tổ chức, cá nhân được doanh nghiệp bảo hiểm uỷ quyền trên cơ sở hợp đồng đại lý bảo hiểm để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo qui định của luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

Căn cứ Điều 87 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: “Hợp đồng đại lý bảo hiểm phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- 1/ Tên, địa chỉ của đại lý bảo hiểm,
- 2/ Tên, địa chỉ của doanh nghiệp bảo hiểm.
- 3/ Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý bảo hiểm.
- 4/ Nội dung và phạm vi hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- 5/ Hoa hồng của đại lý bảo hiểm.
- 6/ Thời hạn hợp đồng.
- 7/ Nguyên tắc giải quyết tranh chấp.”

Xét, hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm nêu trên giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện:

“1. Công ty giao và AMD (ông Hồ A T) đồng ý nhận uỷ quyền để thực hiện và điều hành các hoạt động đại lý bảo hiểm tại Văn phòng điều hành theo chỉ định và uỷ quyền của Công ty trong từng thời kỳ.

2. Công ty và AMD cam kết thực hiện đúng các quy định của hợp đồng này.

3. Những tài liệu sau đây là một phần cấu thành và không tách rời của Hợp đồng: bản các điều kiện hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm; phụ lục 01- AMD “chức danh vùng điều hành và chế độ đãi ngộ của AMD; phụ lục 02- AMD “Điều kiện và chỉ tiêu kinh doanh của AMD”; các phụ lục và thỏa thuận khác....

Xét, hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý nêu trên tuân thủ đúng quy định về hình thức, có nội dung rõ ràng, tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 3, Điều 117 Bộ luật dân sự, Điều 84, Điều 87 Luật kinh doanh bảo hiểm nên hợp đồng nêu trên có hiệu lực.

Theo nguyên đơn trình bày thì nguyên đơn chưa từng được học, chưa được thi sát hạch để được cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm theo quy định của Bộ tài chính nên nguyên đơn chưa đủ điều kiện để hành nghề đại lý bảo hiểm nhưng bị đơn vẫn ký hợp đồng đại lý bảo hiểm với nguyên đơn, cấp mã số đại lý cho nguyên đơn.

Xét, theo Công văn số 229/QLBH-NĐCT ngày 17/6/2020 của Cục quản lý, giám sát bảo hiểm thì bị đơn tự đăng ký tổ chức kỳ thi bảo hiểm và Cục quản lý, giám sát bảo hiểm đã có quyết định công nhận kết quả thi đại lý bảo hiểm số 76/QĐ-NCĐT ngày 11-01-2018 công nhận kết quả kỳ thi đại lý bảo hiểm mà nguyên đơn đã thi đạt kết quả. Do vậy, bị đơn đã cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm số HAN 76- 11012018 – 71449 ngày 15/01/2018 cho nguyên đơn.

Căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 86 Luật kinh doanh bảo hiểm quy định: “Điều kiện hoạt động đại lý bảo hiểm:

c/ Có chứng chỉ đại lý bảo hiểm do cơ sở đào tạo được Bộ tài chính chấp thuận cấp.

Căn cứ khoản 1, Điều 7 Thông tư 125/2018/TT-BTC ngày 24/12/2018 quy định về việc cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm thì:

“Thí sinh dự thi có quyền phúc tra về điểm thi của mình. Đơn phúc tra được gửi về Cục quản lý, giám sát bảo hiểm theo mẫu qui định tại phụ lục 4 ban hành kèm theo thông tư này trong thời gian 20 ngày kể từ ngày Cục quản lý, giám sát bảo hiểm phê duyệt kết quả thi.”

Và theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Quy chế tổ chức thi, cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm ngày 10/3/2015 của Cục quản lý, giám sát bảo hiểm - Bộ tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/QĐ-QLBH ngày 10/3/2015 của Cục quản lý, giám sát bảo hiểm quy định: “1. Thí sinh có quyền khiếu nại về điểm thi của mình. Đơn khiếu nại phải được gửi về Trung tâm chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ thời điểm Trung tâm công nhận kết quả thi.”

Xét, nguyên đơn cho rằng không được học, không được dự thi sát hạch, không đủ năng lực làm AMD thì khi bị đơn cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền khiếu nại hoặc từ chối nhận chứng chỉ đại lý bảo hiểm và nguyên đơn không ký kết các hợp đồng điều hành và phát triển

đại lý bảo hiểm với bị đơn vào các ngày 15/01/2018 và ngày 20/6/2018 và các phụ lục hợp đồng đính kèm... Mặt khác, nguyên đơn cũng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu gì chứng minh cho lời trình bày của nguyên đơn. Do vậy, việc nguyên đơn cho rằng chưa được học, chưa được thi sát hạch... nhưng bị đơn vẫn cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm và ký hợp đồng ngày 15/01/2018 và ngày 20/6/2018 để cho rằng các hợp đồng này là vô hiệu do vi phạm điều cấm là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

+ Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu buộc Công ty C tháo bỏ mã code số 0106356 ra khỏi hệ thống quản lý của Công ty C và buộc Công ty C bồi thường thiệt hại do việc nắm giữ mã code khiến nguyên đơn không thể tìm kiếm việc làm trong ngành bảo hiểm, số tiền bồi thường là 560.000.000 đồng-HĐXX nhận thấy:

Ngày 20/4/2019, nguyên đơn gửi thông báo chấm dứt hợp đồng đại lý bảo hiểm với bị đơn (bút lục số 146) với lý do “về quê”.

Ngày 26/4/2019, bị đơn có thông báo về việc yêu cầu hoàn tất các nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm gửi cho nguyên đơn (bút lục số 145), theo đó, để chấm dứt hợp đồng thì nguyên đơn có trách nhiệm phải hoàn trả/ thanh toán cho Công ty toàn bộ các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính tính đến ngày 29/3/2019 là 890 triệu đồng do vi phạm bản cam kết tương đương tổng các khoản thu nhập mà ông T nhận trong 12 tháng gần nhất.

Tại Điều 9.1.2 nghĩa vụ của AMD khi chấm dứt hợp đồng:

“a. Trong thời hạn Công ty yêu cầu, AMD có nghĩa vụ thanh toán tất cả các khoản nợ, các trách nhiệm tài chính (nếu có) với Công ty tính đến ngày công ty có thông báo/ quyết định về việc chấm dứt hợp đồng hoặc đến ngày công ty ra thông báo yêu cầu hoàn tất các nghĩa vụ liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng hoặc đến ngày mà AMD gửi thư đề nghị chấm dứt hợp đồng, tùy theo ngày nào đến trước.”

Xét, như trên đã nhận định thì hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm nêu trên là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phát sinh giá trị pháp lý, ràng buộc quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng. Do vậy, nguyên đơn có nghĩa vụ thực hiện các nghĩa vụ tài chính với bị đơn theo hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm, các phụ lục hợp đồng, các bản cam kết....mà nguyên đơn đã ký kết với bị đơn.

Về việc bị đơn nắm giữ mã code số 0106356 của nguyên đơn thì theo quy định tại điểm b, Điều 9.1.3 của hợp đồng nêu trên thể hiện: “Nghĩa vụ của công ty khi chấm dứt hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ khi AMD đã hoàn tất các nghĩa vụ nêu tại điều 9.1.2 nêu trên, công ty sẽ thanh toán cho AMD tất cả các khoản thu nhập còn lại sau khi trừ đi các khoản nợ, nghĩa vụ bồi thường hoặc bất kỳ trách nhiệm đến hạn nào của AMD (nếu có) đối với công ty và hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc chấm dứt hợp đồng.”

Xét, việc bị đơn nắm giữ mã code của nguyên đơn trong hệ thống AVICAD (theo Quy chế quản lý đại lý bảo hiểm và sử dụng thông tin trên hệ thống AVICAD giữa các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ) là do nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với bị đơn nên bị đơn chưa ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng, cập nhật việc chấm dứt hợp đồng của nguyên đơn vào hệ thống AVICAD là đúng theo quy định của hợp đồng mà đôi bên đương sự đã ký kết. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

+ Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn - HĐXX nhận thấy:

Như trên đã nhận định thì ngày 15/01/2018 và ngày 20/6/2018 nguyên đơn đã ký kết hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm với bị đơn, kèm theo là các phụ lục hợp đồng, các bản cam kết, các thoả thuận khác của 02 bên trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng... và các tài liệu này là 01 phần cấu thành và không tách rời của hợp đồng. Theo nội dung bản cam kết ngày 26/10/2018 của nguyên đơn thể hiện: “căn cứ vào hợp đồng đã ký kết nêu trên, nguyên đơn đồng ý xác nhận và cam kết sẽ làm việc toàn thời gian cho công ty (bị đơn) trong thời hạn tối thiểu là từ ngày ký bản cam kết này cho đến hết ngày 31/12/2021 “Thời hạn cam kết” và không đơn phương chấm dứt hợp đồng trong thời hạn cam kết vì bất cứ lý do nào và nếu nguyên đơn nghỉ việc trong thời hạn cam kết này thì nguyên đơn sẽ bồi thường cho bị đơn 01 khoản tiền tương đương 12 tháng thu nhập gần nhất, nguyên đơn cũng cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và trước công ty về nội dung đã cam kết này”. Xét, bản cam kết này được lập phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

Theo Điều 1 Phụ lục 01-AMD chức danh, vùng điều hành và chế độ đãi ngộ của AMD Hồ A T (Phụ lục 01) thì nguyên đơn là Giám đốc cấp cao, Điều hành và phát triển kinh doanh vùng (hay còn gọi là RSD, AMD), theo đó trong khoảng thời gian từ 15/01/2018 đến ngày 20/4/2019, nguyên đơn đã thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành và phát triển hoạt động của các đại lý bảo hiểm theo vùng được Công ty C ủy quyền, có thu nhập ngoài khoản hỗ trợ hoạt động là 80.000.000 đồng/tháng (từ tháng 6/2018), ngoài ra còn có các khoản thu nhập khác như thưởng hiệu quả kinh doanh vùng, hoa hồng (nếu có), được hưởng khoản phụ cấp đi lại thay cho các công tác phí (Điều 1 Phụ lục 03-AMD chế độ đãi ngộ của AMD Hồ A T ngày 01/11/2018) là 10.000.000 đồng/tháng.... theo đó khoản thu nhập nguyên đơn đã nhận từ tháng 4/2018 đến hết tháng 3/2019 là 890 triệu đồng (không tính các khoản công tác phí, thưởng doanh thu...).

Xét, ngày 20/4/2019 nguyên đơn gửi đơn đến cho bị đơn xin chấm dứt hợp đồng đại lý bảo hiểm trước thời hạn cam kết làm việc cho bị đơn là ngày 31/12/2021, với lý do “về quê” và tại đơn này nguyên đơn xác nhận: “Tôi hiểu

và đồng ý rằng: công ty sẽ ban hành quyết định chấm dứt HĐ đại lý và/ hoặc hợp đồng quản lý đại lý trong vòng 60 ngày kể từ ngày công ty xác nhận tôi đã hoàn tất tất cả các nghĩa vụ của mình với công ty đồng thời không liên quan đến bất kỳ vụ việc giải quyết khiếu nại/ khiếu kiện nào của khách hàng.” Do vậy, bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi thường cho bị đơn 01 khoản tiền tương đương 12 tháng thu nhập gần nhất là có cơ sở. Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, có căn cứ để HĐXX chấp nhận nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của nguyên đơn.

Đối với ý kiến của nguyên đơn yêu cầu đưa Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan- HĐXX nhận thấy: Tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng đại lý bảo hiểm giữa nguyên đơn và bị đơn, Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam chỉ là cơ quan quản lý AVICAD nên không cần thiết triệu tập Hiệp hội bảo hiểm Việt Nam vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí DSPT theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đề nghị này của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 72; khoản 4 Điều 96; khoản 1 Điều 147; Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273; Điều 293; Điều 307; Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 3; Điều 117; Điều 275; Điều 276 và Điều 284 Bộ luật Dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 84; Điều 86, Điều 87 Luật kinh doanh bảo hiểm theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-VPQH ngày 25/6/2019 của Văn phòng Quốc hội;

-Căn cứ Nghị định số 73/2016 NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục kèm theo.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ A T.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 211/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh:

2.1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ A T yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C thanh lý Hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm số CHUBB-2VBTB1-AMD/0106356062018 do ông Hồ A T và Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C giao kết ngày 20/6/2018.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ A T yêu cầu tuyên bố Hợp đồng điều hành và phát triển hoạt động đại lý bảo hiểm số CHUBB-2VBTB1-AMD/0106356062018 do các bên giao kết ngày 20/6/2018 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và yêu cầu Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C phải bồi thường khoản mất thu nhập trong 07 tháng tính từ ngày 05/5/2019 là 560.000.000 đồng.

2.3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của nguyên đơn Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C yêu cầu ông Hồ A T bồi thường số tiền 890.000.000 đồng theo nội dung của Bản cam kết do ông Hồ A T ký lập ngày 26/10/2018.

Kể từ ngày Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hồ A T chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Hồ A T phải chịu trên giá trị số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 26.400.000 đồng và trên giá trị yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C được chấp nhận là 38.700.000 đồng, tổng cộng ông Hồ A T phải chịu là 65.100.000 đồng, nhưng được căn trừ vào các số tiền: 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007970 ngày 08/8/2019, 5.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007971 ngày 08/8/2019, 5.400.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005268 ngày 18/11/2019, 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005267 ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Tp. Hồ Chí Minh; ông Hồ A T phải nộp thêm 54.000.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân Thọ C số tiền 19.350.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005204 ngày 31/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hồ A T phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được căn trừ theo biên lai số 0029478 ngày 04/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thanh Tú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
ƯCÁC THẨM PHÁN
TÒA

Mai Thị Thanh Tú